

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỶ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A1

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120011	Huỳnh	Anh	18/09/2004	3	
2	120032	Văn Thái	Bình	25/08/2004	4	
3	120071	Kha Thị Thùy	Duyên	10/04/2004	5	
5	120075	Trần Thị Thùy	Dương	23/11/2004	6	
6	120078	Mai Lê Hồng	Đào	18/04/2003	6	
7	120083	Trần Nguyễn Thanh	Đạt	28/10/2004	6	
8	120116	Đoàn Phạm Ngọc	Hân	16/12/2004	7	
9	120122	Lê Ngọc Thúy	Hiền	21/03/2004	8	
10	120133	Phan Minh	Hoàng	20/10/2004	8	
11	120149	Đoàn Nhựt	Huy	14/04/2004	9	
12	120158	Phan Nhật	Hưng	22/11/2004	9	
13	120178	Lê Tuấn	Khanh	31/05/2004	10	
14	120188	Nguyễn Đăng	Khoa	02/03/2004	10	
15	120201	Phan Thị Thanh	Kiều	16/12/2004	11	
16	120206	Trần Hoàng Gia	Lạc	24/11/2004	11	
17	120208	Phạm Thị Tuyết	Lan	04/12/2004	11	
18	120228	Hồ Lê Bảo	Long	20/08/2004	12	
19	120254	Nguyễn Lê Trúc	My	12/01/2004	13	
20	120278	Lê Võ Thanh	Ngân	06/08/2002	14	
21	120287	Phạm Nguyễn Trọng	Nghĩa	03/01/2004	14	
22	120307	Nguyễn Thành	Nhân	30/09/2004	15	
23	120318	Hoàng Mỹ	Nhi	28/03/2004	16	
24	120327	Đào Huỳnh Vân	Nhi	22/09/2004	16	
25	120334	Võ Thị Hồng	Nhung	16/09/2004	16	
26	120357	Lê Thanh	Phong	26/08/2004	17	
27	120366	Trần Huỳnh Hữu	Phúc	28/10/2004	18	
28	120386	Vương Huỳnh Ngọc	Quý	08/01/2004	19	
29	120400	Võ Ngọc Tú	Quyên	15/01/2004	19	
30	120427	Đoàn Ngọc	Thanh	16/05/2004	20	
31	120454	Lại Minh	Thông	20/06/2004	21	
32	120460	Lê Thị Hồng	Thùy	23/04/2004	22	
33	120477	Hàn Ngọc Minh	Thư	11/09/2004	22	
34	120497	Lưu Sĩ	Tinh	04/02/2004	23	
35	120529	Lê Ngọc Quế	Trân	12/07/2004	25	
36	120537	Trần Trang Tuyết	Trinh	01/10/2004	25	
37	120548	Nguyễn Thị Thu	Trúc	11/07/2004	25	
38	120550	Lê Minh	Trung	30/09/2004	25	
39	120563	Nguyễn Văn	Tùng	17/02/2004	26	
40	120584	Nguyễn Quốc	Vinh	07/08/2004	27	
41	120592	Lê Ngọc Lan	Vy	02/08/2004	27	
42	120609	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	18/07/2004	28	

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A2

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120004	Đỗ Ngọc Thúy	An	18/11/2004	3	
2	120022	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/07/2004	3	
3	120035	Nguyễn Văn Quốc	Chánh	27/05/2004	4	
4	120074	Nguyễn Thùy	Dương	08/12/2004	6	
5	120084	Sử Võ Thành	Đạt	09/06/2004	6	
6	120085	Nguyễn Ngọc Bảo	Đăng	13/10/2004	6	
7	120086	Trần Minh	Đăng	25/07/2004	6	
8	120117	Võ Tô Ngọc	Hân	06/03/2004	7	
9	120125	Nguyễn Trung	Hiếu	17/08/2004	8	
10	120132	Nguyễn Huy	Hoàng	03/01/2004	8	
11	120141	Đỗ Tiến	Hùng	04/11/2004	8	
12	120147	Huỳnh Nhật	Huy	09/11/2004	9	
13	120155	Phạm Gia	Hưng	05/01/2004	9	
14	120204	Nguyễn Lê Thiên	Kim	02/09/2004	11	
15	120220	Đặng Thế	Linh	10/05/2004	12	
16	120267	Nguyễn Bảo	Ngân	19/05/2004	14	
17	120290	Nguyễn Kim Bảo	Ngọc	23/11/2004	15	
18	120294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	27/07/2004	15	
19	120310	Nguyễn Thiện	Nhân	03/05/2004	15	
20	120330	Bùi Thị Yên	Nhi	01/01/2004	16	
21	120333	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	31/01/2004	16	
22	120358	Ngô Thanh	Phong	20/03/2004	17	
23	120368	Trang Mỹ	Phụng	24/04/2004	18	
24	120379	Trương Minh	Quan	24/09/2004	18	
25	120388	Lê Trần Kiên	Quốc	27/05/2004	19	
26	120407	Nguyễn Thanh	Sang	13/03/2004	19	
27	120423	Trần Quốc	Thái	01/06/2004	20	
28	120428	Nguyễn Ngọc Kim	Thảo	05/07/2004	20	
29	120439	Huỳnh Quốc	Thắng	19/10/2004	21	
30	120450	Ngô Nguyễn Xuân	Thịnh	12/01/2004	21	
31	120455	Hoàng Xuân	Thông	20/06/2004	21	
32	120480	Nguyễn Thị Minh	Thư	08/05/2004	22	
33	120486	Nguyễn Cẩm	Tiên	06/04/2004	23	
34	120500	Nguyễn Bảo	Toàn	31/12/2004	23	
35	120508	Trần Nguyễn Phương	Trang	06/07/2004	24	
36	120519	Lê Thị Ngọc	Trâm	02/04/2004	24	
37	120535	Trương Thị Ngọc	Trinh	07/01/2004	25	
38	120538	Võ Hoàng Đức	Trọng	30/05/2004	25	
39	120552	Nguyễn Quốc	Trung	03/04/2004	25	
40	120562	Lê Phương	Tùng	26/05/2004	26	
41	120585	Phạm Thành	Vinh	18/01/2004	27	
42	120593	Nguyễn Cao Mỹ	Vy	09/01/2004	27	
43	120611	Phan Ngọc Như	Ý	29/01/2004	28	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A3**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120009	Nguyễn Hoàng	Anh	12/04/2004	3	
2	120023	Nguyễn Thùy Vân	Anh	11/06/2004	3	
3	120026	Trần Bảo	Ân	11/09/2004	4	
4	120042	Lê Khắc	Chiến	29/09/2004	4	
5	120050	Nguyễn Trần Thụy	Du	06/04/2004	5	
6	120051	Trần Thụy Ngọc	Dung	28/04/2004	5	
7	120054	Nguyễn Bảo	Duy	22/09/2004	5	
8	120094	Nguyễn Ngọc	Hà	12/11/2004	6	
9	120115	Lương Ngọc	Hân	03/08/2004	7	
10	120131	Nguyễn Đình	Hoàng	04/01/2004	8	
11	120142	Cao Công	Huy	17/12/2004	8	
12	120159	Hồ Phú	Hưng	29/12/2004	9	
13	120165	Lê Huỳnh	Hương	07/10/2004	9	
14	120173	Đình Hoàng Minh	Khang	10/10/2004	10	
15	120191	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	21/05/2004	10	
16	120215	Phạm Gia	Linh	19/05/2004	11	
17	120232	Lương Thế	Long	24/11/2004	12	
18	120240	Lưu Ngọc	Mai	01/01/2004	12	
19	120245	Vũ Lê Anh	Minh	08/01/2004	13	
20	120263	Võ Linh	Nam	20/04/2004	13	
21	120271	Nguyễn Bùi Thanh	Ngân	09/12/2004	14	
22	120277	Trang Thanh	Ngân	02/12/2004	14	
23	120302	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	17/04/2004	15	
24	120314	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	08/10/2004	16	
25	120324	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	14/07/2004	16	
26	120336	Lê Hoàng	Như	05/02/2004	16	
27	120349	Lê Thị Kim	Oanh	11/06/2004	17	
28	120380	Nguyễn Duy	Quang	24/06/2004	18	
29	120404	Tôn Nữ Thúy	Quỳnh	28/02/2004	19	
30	120405	Đặng Minh	Sang	25/08/2004	19	
31	120416	Trương Minh	Tâm	09/10/2004	20	
32	120432	Lê Võ Thanh	Thảo	03/09/2004	20	
33	120435	Đồng Thị Hồng	Thắm	18/06/2004	21	
34	120441	Đoàn Thị Mai	Thi	14/11/2004	21	
35	120465	Nguyễn Ngọc Hồng	Thụy	30/06/2004	22	
36	120472	Ngô Thị Anh	Thư	20/01/2004	22	
37	120476	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	05/09/2004	22	
38	120492	Lại Minh	Tiến	20/05/2004	23	
39	120501	Trần Huỳnh Thái	Toàn	29/03/2004	23	
40	120515	Huỳnh Ngọc	Trâm	06/02/2004	24	
41	120518	Nguyễn Quách Ngọc	Trâm	07/03/2004	24	
42	120527	Hứa Thị Ngọc	Trân	04/10/2004	24	
43	120578	Nguyễn Bảo Thụy	Vi	12/01/2004	27	
44	120580	Nguyễn Quốc	Việt	26/12/2004	27	
45	120606	Đào Nguyễn Tường	Vy	12/06/2004	28	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A4**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120024	Võ Thị Hồng	Ánh	09/12/2004	3	
2	120034	Võ Quốc	Bửu	06/08/2004	4	
3	120062	Trương Thanh	Duy	17/06/2004	5	
4	120063	Nguyễn Trường	Duy	30/01/2004	5	
5	120090	Nguyễn Minh	Đức	06/08/2004	6	
6	120105	Huỳnh Gia	Hân	31/05/2004	7	
7	120138	Phạm Đỗ Minh	Huân	08/08/2004	8	
8	120144	Đoàn Hoàng	Huy	18/05/2004	8	
9	120154	Nguyễn Võ Xuân	Huỳnh	16/05/2004	9	
10	120163	Phạm Thị Diễm	Hương	06/01/2004	9	
11	120167	Nguyễn Thị Thanh	Hương	02/03/2004	9	
12	120172	Nguyễn Duy	Khang	20/02/2004	10	
13	120198	Võ Nguyễn Minh	Kiệt	07/11/2004	11	
14	120211	Nguyễn Hoàng	Lâm	12/03/2004	11	
15	120243	Trần Huệ	Mẫn	19/04/2004	13	
16	120291	Lưu Thị Bảo	Ngọc	01/02/2004	15	
17	120311	Nguyễn Thị Ái	Nhi	23/09/2004	15	
18	120340	Đặng Thị Minh	Như	21/04/2004	17	
19		Đoàn Trung	Phong	21/12/2004		
20	120387	Nguyễn Anh	Quốc	18/05/2004	19	
21	120396	Đoàn Trần Ngọc	Quyên	10/09/2004	19	
22	120397	Huỳnh Ngọc Phương	Quyên	27/03/2004	19	
23	120408	Hồ Kim	Sen	03/05/2004	19	
24	120430	Nguyễn Hoài Phương	Thảo	21/04/2004	20	
25	120436	Ngô Thị Hồng	Thắm	24/03/2004	21	
26	120446	Nguyễn Minh	Thiện	19/07/2004	21	
27	120473	Tô Thị Anh	Thư	02/07/2004	22	
28	120490	Trần Mỹ	Tiên	24/05/2004	23	
29	120499	Trần Ngọc	Toại	09/11/2004	23	
30	120504	Trần Thị Thanh	Trà	06/12/2004	23	
31	120516	Huỳnh Lê Ngọc	Trâm	04/03/2004	24	
32	120517	Phạm Ngọc	Trâm	01/12/2004	24	
33	120526	Trần Mỹ	Trân	10/06/2004	24	
34	120533	Nguyễn Minh	Triết	30/03/2004	25	
35	120546	Ngô Thanh	Trúc	01/08/2004	25	
36	120554	Võ Minh	Trường	09/04/2004	26	
37	120571	Huỳnh Thảo	Uyên	27/04/2004	26	
38	120577	Lê Thị Thùy	Vân	05/10/2004	27	
39	120579	Võ Ngọc Tường	Vi	05/11/2004	27	
40	120599	Phạm Thảo	Vy	15/02/2004	27	
41	120608	Hồ Thị Tường	Vy	01/12/2004	28	
42	120613	Phan Ngọc Bảo	Yến	25/03/2004	28	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A5**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120001	Bùi Thị Khương	An	05/03/2004	3	
2	120015	Đoàn Mai	Anh	16/10/2004	3	
3	120025	Ngô Thị Ngọc	Ánh	27/01/2004	4	
4	120065	Phạm Hoàng Mỹ	Duyên	12/11/2004	5	
5	120089	Đoàn Minh	Đức	18/03/2004	6	
6	120106	Phạm Lê Gia	Hân	04/10/2004	7	
7	120143	Lê Gia	Huy	03/01/2004	8	
8	120145	Nguyễn Hoàng	Huy	27/02/2004	9	
9	120162	Nguyễn Thị Diễm	Hương	28/03/2004	9	
10	120169	Đinh Công	Khải	14/10/2004	10	
11	120226	Nguyễn Ngọc	Loan	11/03/2004	12	
12	120227	Mai Thị Trúc	Loan	08/08/2004	12	
13	120236	Trần Huỳnh Đức	Luân	11/05/2004	12	
14	120242	Trần Thị Xuân	Mai	06/01/2004	13	
15	120246	Lê Trương Hiếu	Minh	21/06/2004	13	
16	120253	Trương Nguyễn Trà	My	14/05/2004	13	
17	120262	Võ Hoàng	Nam	16/12/2004	13	
18	120293	Võ Thị Bích	Ngọc	06/11/2004	15	
19	120325	Tăng Ngọc Thảo	Nhi	28/04/2004	16	
20	120337	Hồ Thị Huỳnh	Như	19/10/2004	17	
21	120361	Nguyễn Phong	Phú	30/06/2004	18	
22	120374	Trần Mai	Phương	04/01/2004	18	
23	120403	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	07/09/2004	19	
24	120415	Trần Phát	Tài	01/07/2004	20	
25	120418	Phạm Huỳnh Thanh	Tâm	04/03/2004	20	
26	120419	Trần Xuân Thanh	Tâm	03/03/2004	20	
27	120429	Phạm Như	Thảo	03/02/2004	20	
28	120449	Lương Nguyễn Quốc	Thịnh	23/02/2004	21	
29	120462	Trần Lê Thanh	Thúy	23/03/2004	22	
30	120467	Nguyễn Hồng Anh	Thư	02/04/2004	22	
31	120488	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/06/2004	23	
32	120489	Phan Ngọc Mỹ	Tiên	29/11/2004	23	
33	120491	Ngô Thanh	Tiền	19/02/2004	23	
34	120503	Nguyễn Thanh	Toàn	12/03/2004	23	
35	120506	Huỳnh Thị Kiều	Trang	03/01/2004	24	
36	120512	Nguyễn Thị Bích	Trâm	15/08/2004	24	
37	120522	Văn Ngọc Bảo	Trân	26/08/2004	24	
38	120534	Trần Thị Ngọc	Trình	21/08/2004	25	
39	120570	Bùi Thị Phi	Uyên	09/11/2004	26	
40	120582	Nguyễn Thiên Thái	Việt	11/12/2004	27	
41	120594	Phạm Thị Ngọc	Vy	30/06/2004	27	
42	120595	Nguyễn Bảo Phương	Vy	12/09/2004	27	
43	120600	Cao Trần Thảo	Vy	19/01/2004	27	
44	120615	Lê Dương Hoàng	Yến	09/02/2004	28	
45		Trần Bích	Ngọc	31/12/2004		

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỶ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A6

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120003	Trần Văn Phúc	An	29/11/2004	3	
2	120017	Trần Phan Quốc	Anh	25/08/2004	3	
3	120019	Lê Thị Quỳnh	Anh	21/01/2004	3	
4	120036	Huỳnh Lại Thị Bảo	Châu	15/01/2004	4	
5	120046	Lê Hồng	Diễm	07/09/2004	4	
6	120070	Phạm Thảo	Duyên	17/04/2004	5	
7	120101	Phan Thị Thanh	Hằng	25/12/2004	7	
9	120126	Nguyễn Trung	Hiếu	18/05/2004	8	
10	120160	Đặng Vĩnh	Hung	29/02/2004	9	
11	120179	Phạm Đình	Khánh	18/08/2004	10	
12	120192	Ngô Minh	Khôi	22/07/2004	10	
13	120202	Nguyễn Hoàng	Kim	24/10/2004	11	
14	120205	Lê Nguyễn Quốc	Kỳ	26/07/2004	11	
15	120216	Phạm Thị Hoài	Linh	07/03/2004	11	
16	120238	Lại Ngọc	Luân	28/12/2004	12	
17	120255	Lê Thị Trúc	My	01/03/2004	13	
18	120281	Phạm Thị Tuyết	Ngân	05/08/2004	14	
19	120289	Trương Văn	Nghĩa	31/07/2003	15	
20	120297	Hồ Thị Kim	Ngọc	03/01/2004	15	
21	120308	Nguyễn Thành	Nhân	17/01/2004	15	
22	120328	Lê Ngọc Yến	Nhi	22/04/2004	16	
23	120352	Nguyễn Lê Minh	Phát	07/02/2004	17	
24	120360	Nguyễn Lê Minh	Phú	07/02/2004	17	
25	120370	Lê Đình Quang	Phước	13/06/2004	18	
26	120384	Trần Minh	Quân	09/07/2004	18	
28	120431	Nguyễn Thanh	Thảo	22/05/2004	20	
29	120437	Hà Gia	Thắng	02/08/2004	21	
30	120453	Nguyễn Phạm Hoàng	Thông	15/09/2004	21	
31	120478	Lê Nguyễn Minh	Thư	29/09/2004	22	
32	120481	Trương Ngọc	Thư	16/10/2004	23	
33	120493	Võ Trọng	Tiến	01/02/2004	23	
34	120511	Phạm Huỳnh Yến	Trang	24/08/2004	24	
35	120513	Đoàn Hoàng Huyền	Trâm	26/03/2004	24	
36	120524	Trần Thị Bảo	Trân	27/08/2004	24	
37	120540	Phạm Quang	Trọng	26/04/2004	25	
38	120551	Nguyễn Minh	Trung	08/09/2004	25	
39	120564	Huỳnh Thị Kim	Tuyền	15/03/2004	26	
40	120583	Nguyễn Phúc	Vinh	22/09/2004	27	
41	120603	Phạm Tú	Vy	05/05/2004	28	

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A7

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120006	Đoàn Hồ Trường	An	22/02/2004	3	
2	120031	Nguyễn Tiến	Bằng	23/03/2004	4	
3	120038	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	15/09/2004	4	
4	120047	Nguyễn Ngọc Kiều	Diễm	30/08/2004	4	
5	120056	Nguyễn Khánh	Duy	25/08/2004	5	
6	120081	Trương Quốc	Đạt	24/04/2004	6	
7	120109	Trịnh Gia	Hân	24/10/2004	7	
9	120134	Hồng Quốc	Hoàng	09/07/2004	8	
10	120148	Thái Vũ Nhật	Huy	08/12/2004	9	
11	120168	Nguyễn Hoàng	Kha	01/12/2004	9	
12	120174	Trần Minh	Khang	31/01/2004	10	
13	120182	Trần Minh	Khánh	31/01/2004	10	
14	120190	Nguyễn Tấn	Khoa	19/09/2004	10	
15	120193	Đỗ Ngọc Minh	Khuê	13/05/2004	11	
16	120203	Hà Thiên	Kim	05/03/2004	11	
17	120218	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/05/2004	12	
18	120239	Dương Võ Công	Luận	14/06/2004	12	
19	120258	Trần Thực	Mỹ	05/10/2004	13	
20	120276	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	01/04/2004	14	
21	120288	Trần Tuấn	Nghĩa	13/05/2004	14	
22	120309	Trần Nguyễn Thành	Nhân	30/05/2004	15	
23	120315	Nguyễn Thị Bích	Nhi	26/03/2004	16	
24	120329	Trần Ngọc Yến	Nhi	06/09/2004	16	
25	120350	Đoàn Hồng	Phát	30/03/2004	17	
26	120359	Nguyễn Hoàng	Phú	08/07/2004	17	
27	120382	Nguyễn Mạnh	Quân	26/05/2004	18	
28	120411	Trương Ngọc	Sơn	06/04/2004	20	
29	120438	Đoàn Quốc	Thắng	19/03/2004	21	
30	120442	Nguyễn Thị Minh	Thi	18/09/2004	21	
31	120468	Diệp Huỳnh Anh	Thư	14/05/2004	22	
32	120471	Nguyễn Anh	Thư	28/02/2004	22	
33	120483	Lương Trí	Thức	12/03/2003	23	
34	120520	Võ Ngọc Thùy	Trâm	14/07/2004	24	
35	120530	Huỳnh Nguyễn Đức	Trí	07/03/2004	25	
36	120541	Nguyễn Thanh	Trọng	24/02/2004	25	
37	120544	Dương Hoàng Thanh	Trúc	15/04/2004	25	
38	120553	Bùi Tấn	Trung	24/11/2004	26	
39	120586	Lê Nguyễn Trường	Vũ	06/06/2004	27	
40	120587	Lương Hồng	Vương	27/05/2004	27	
41	120605	Nguyễn Tường	Vy	11/12/2004	28	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A8**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120002	Nguyễn Bùi Minh	An	22/08/2004	3	
2	120028	Phạm Hoàng	Bảo	28/12/2004	4	
3	120037	Mai Diễm	Châu	09/09/2004	4	
4	120049	Cao Ngọc	Diệu	06/09/2004	5	
5	120061	Nguyễn Thanh	Duy	12/11/2004	5	
6	120080	Trần Minh	Đạt	11/02/2004	6	
7	120100	Trang Sĩ Anh	Hào	30/11/2004	7	
8	120104	Mai Nguyễn Chi	Hân	30/06/2004	7	
9	120127	Trần Thúy Hạnh	Hoa	04/12/2004	8	
10	120137	Lê Trần Hoàng	Huân	03/12/2004	8	
11	120140	Phạm Hồ Thiên	Huệ	21/07/2004	8	
12	120152	Nguyễn Thị Như	Huyền	23/12/2004	9	
13	120153	Hồ Thanh	Huyền	07/01/2004	9	
14	120166	Lê Thị Ngọc	Hương	15/07/2004	9	
15	120170	Nguyễn Sơn	Khải	03/12/2004	10	
16	120181	Hồ Kim	Khánh	15/12/2004	10	
17	120194	Nguyễn Thị Kim	Khuyên	06/08/2004	11	
18	120213	Thái Phúc	Lâm	02/09/2004	11	
19	120219	Lý Ngọc	Linh	02/01/2004	12	
20	120241	Hồ Đào Xuân	Mai	13/01/2004	13	
21	120256	Phạm Phan Hồng	Mỹ	14/09/2004	13	
22	120274	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	13/12/2004	14	
23	120286	Trần Phước	Nghĩa	28/09/2004	14	
24	120304	Nguyễn Trang	Nhã	28/08/2004	15	
25	120305	Phan Võ Bảo	Nhân	23/10/2004	15	
26	120313	Trần Thị Ánh	Nhi	22/11/2004	16	
27	120355	Phan Tấn	Phát	12/07/2004	17	
28	120362	Huỳnh Nguyễn Quang	Phú	28/11/2004	18	
29	120371	Nguyễn Thị Ánh	Phương	09/01/2004	18	
30	120385	Trịnh Minh	Quân	09/11/2004	19	
31	120392	Phạm Huỳnh Gia	Quyên	18/06/2004	19	
32	120417	Lê Mỹ	Tâm	17/10/2004	20	
33	120484	Nguyễn Hoàng	Thương	05/04/2004	23	
34	120494	Nguyễn Hồng	Tín	09/07/2004	23	
35	120532	Lý Trần Quốc	Trí	28/03/2004	25	
36	120547	Nguyễn Thanh	Trúc	02/09/2004	25	
37	120555	Nguyễn Thiên	Trường	23/03/2004	26	
38	120568	Nguyễn Mỹ	Uyên	15/01/2004	26	
39	120597	Trần Thanh	Vy	04/02/2004	27	
40	120604	Võ Dương Tường	Vy	04/04/2004	28	

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A9

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120030	Lê Quốc	Bảo	10/01/2004	4	
2	120040	Huỳnh Thị Kim	Chi	04/08/2004	4	
3	120043	Nguyễn Minh	Chiến	26/05/2004	4	
4	120055	Phạm Đức	Duy	30/12/2004	5	
5	120079	Hồ Mẫn	Đạt	31/07/2004	6	
6	120103	Trương Ngọc Bảo	Hân	30/08/2004	7	
7	120119	Lại Phúc	Hậu	02/11/2004	7	
8	120129	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	08/08/2004	8	
9	120164	Trần Diễm	Hương	09/11/2004	9	
10	120175	Lê Tuấn	Khang	30/10/2004	10	
11	120180	Trần Gia	Khánh	28/10/2004	10	
12	120195	Huỳnh Trung	Kiên	08/11/2004	11	
13		Nguyễn Phan Thùy	Linh	14/11/2004		
14	120230	Võ Hoàng	Long	16/06/2004	12	
15	120247	Nguyễn Nhật	Minh	26/05/2004	13	
16	120259	Nguyễn Công	Nam	10/12/2004	13	
17	120261	Trần Hoài	Nam	24/08/2004	13	
18	120273	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	12/05/2004	14	
19	120295	Vũ Hồng	Ngọc	30/05/2004	15	
20	120301	Trương Trần Minh	Nguyệt	07/10/2004	15	
21	120316	Hồ Thị Lan	Nhi	29/05/2004	16	
22	120319	Võ Ngọc	Nhi	15/06/2004	16	
23	120339	Lê Thị Kim	Như	26/10/2004	17	
24	120346	Bùi Minh	Nhựt	04/05/2004	17	
25	120354	Nguyễn Tấn	Phát	21/04/2004	17	
26	120365	Lê Phan Hoàng	Phúc	16/12/2004	18	
27	120383	Đỗ Minh	Quân	08/08/2004	18	
28	120389	Võ Ngọc Bảo	Quý	08/06/2004	19	
29	120420	Võ Minh	Tân	30/07/2004	20	
30	120425	Lê Thị Kiều	Thanh	12/12/2004	20	
31	120459	Đoàn An Minh	Thùy	25/07/2004	22	
32	120521	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	13/05/2004	24	
33	120531	Mai Minh	Trí	27/06/2004	25	
34	120536	Lê Ngọc Phương	Trinh	06/01/2004	25	
35	120539	Trần Phú	Trọng	04/03/2004	25	
36	120542	Huỳnh Thụy Dương	Trúc	27/04/2004	25	
37	120559	Huỳnh Minh	Tuấn	14/03/2004	26	
38	120596	Hồ Nguyễn Thanh	Vy	26/07/2004	27	

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỶ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A10

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120012	Phan Thị Kim	Anh	20/09/2004	3	
2	120029	Trần Quang	Bảo	09/06/2004	4	
3	120033	Nguyễn Thanh	Bình	20/08/2004	4	
4	120044	Nguyễn Chí	Cường	04/07/2004	4	
5	120053	Bùi Văn	Dũng	05/04/2004	5	
6	120067	Trần Mỹ	Duyên	08/06/2004	5	
7	120082	Trần Tấn	Đạt	22/01/2004	6	
8	120110	Phạm Ngọc Hoài	Hân	24/10/2004	7	
9	120118	Phạm Công	Hậu	30/07/2004	7	
10	120161	Đinh Thị Cẩm	Hương	13/02/2004	9	
11	120176	Trần Bảo	Khanh	12/05/2002	10	
12	120177	Lê Chí	Khanh	26/07/2004	10	
13	120187	Ngô Đăng	Khoa	12/01/2004	10	
14	120197	Trương Gia	Kiệt	15/08/2004	11	
15	120212	Nguyễn Phúc	Lâm	10/06/2004	11	
16	120214	Nguyễn Phan Thanh	Liên	12/12/2004	11	
17	120235	Võ Huy	Lợi	23/03/2004	12	
18	120250	Trần Tuấn	Minh	10/03/2004	13	
19	120270	Tô Ngọc	Ngân	02/04/2004	14	
20	120296	Huỳnh Kim	Ngọc	27/10/2004	15	
21	120331	Lâm Ánh	Nhung	24/04/2004	16	
22	120356	Lê Nguyễn Thành	Phát	05/06/2004	17	
23	120367	Nguyễn Tấn	Phúc	23/07/2004	18	
24	120376	Mai Thị Thu	Phương	18/12/2004	18	
25	120421	Trần Thanh	Tân	05/11/2004	20	
26	120424	Huỳnh Ngọc Băng	Thanh	01/12/2004	20	
27	120461	Lê Đoàn Kim	Thủy	01/04/2004	22	
28	120469	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	11/04/2004	22	
29	120470	Nguyễn Anh	Thư	03/02/2004	22	
30	120479	Cao Thị Minh	Thư	22/12/2004	22	
31	120496	Lê Minh	Tinh	18/10/2004	23	
32	120523	Đoàn Thị Bảo	Trân	10/11/2004	24	
33	120549	Trần Hữu	Trung	29/02/2004	25	
34	120560	Trần Quang	Tuấn	06/12/2004	26	
35	120573	Kiều Thanh	Văn	28/10/2004	26	
36	120574	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	07/02/2004	26	
37	120591	Lý Khánh	Vy	13/07/2004	27	
38	120598	Ngô Thảo	Vy	06/12/2004	27	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A11**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120005	Phạm Thị Thúy	An	22/02/2004	3	
2	120007	Nguyễn Văn	An	24/10/2004	3	
3	120008	Huỳnh Ngọc Xuân	An	30/06/2004	3	
4	120014	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	12/10/2004	3	
5	120020	Nguyễn Huỳnh Trâm	Anh	04/12/2004	3	
6	120060	Huỳnh Thái	Duy	23/03/2004	5	
7	120087	Võ Chí	Điền	10/06/2004	6	
8	120092	Nguyễn Thị Trúc	Giang	07/12/2004	6	
9	120098	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	26/09/2004	7	
10	120114	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	15/08/2004	7	
11	120123	Võ Trần Ngọc	Hiếu	14/10/2004	8	
12	120183	Nguyễn Ngọc	Khánh	13/12/2004	10	
13	120200	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22/01/2004	11	
14	120210	Đặng Hoàng	Lâm	06/06/2004	11	
15	120225	Dương Thị Kim	Loan	25/10/2004	12	
16	120244	Đoàn Minh	Mẫn	21/12/2004	13	
17	120251	Nguyễn Phan Diễm	My	04/09/2004	13	
18	120279	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16/05/2004	14	
19	120282	Hồ Thắm	Nghi	21/03/2004	14	
20	120299	Nguyễn Khánh	Nguyên	23/04/2004	15	
21	120312	Trần Ái	Nhi	27/02/2004	15	
22	120321	Phạm Thị Phương	Nhi	31/03/2004	16	
23	120341	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	21/01/2004	17	
24	120347	Thái Phong	Niên	05/08/2003	17	
25	120348	Cao Thị Kim	Oanh	07/02/2004	17	
26	120353	Lại Phước	Phát	07/10/2004	17	
27	120363	Đặng Hoàng	Phúc	27/04/2004	18	
28	120391	Huỳnh Ngọc	Quý	07/10/2004	19	
29	120402	Bùi Thị Như	Quỳnh	07/01/2004	19	
30	120413	Huỳnh Lê Anh	Tài	17/12/2004	20	
31	120433	Huỳnh Thị Trang	Thảo	03/12/2004	21	
32	120448	Phạm Nguyễn Hữu	Thịnh	13/02/2004	21	
33	120475	Trần Anh	Thư	06/05/2004	22	
34	120495	Nguyễn Ngô Trọng	Tín	26/10/2004	23	
35	120498	Phan Thành	Tính	20/07/2004	23	
36	120505	Hà Thụy Đoan	Trang	05/01/2004	24	
37	120556	Phan Tấn	Tú	20/01/2004	26	
38	120569	Nguyễn Ngọc Như	Uyên	26/01/2004	26	
39	120588	Nguyễn Minh	Vương	09/03/2004	27	
40	120589	Lục Bích	Vy	20/07/2004	27	
41	120614	Dương Hải	Yến	17/05/2004	28	
42	120111	Tạ Khánh	Hân	04/08/2004	7	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A12**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120027	Trần Hoài	Bảo	25/01/2004	4	
2	120045	Nguyễn Hoàng Quốc	Cường	19/03/2004	4	
3	120052	Thạch Võ Thùy	Dung	03/05/2004	5	
4	120059	Đoàn Quốc	Duy	16/03/2004	5	
5	120093	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	12/09/2004	6	
6	120097	Phạm Thị Hồng	Hạnh	11/09/2004	7	
7	120107	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	19/06/2004	7	
8	120128	Lê Thị Hồng	Hoa	02/03/2004	8	
9	120146	Hồ Nguyễn Ngọc	Huy	18/12/2004	9	
10	120156	Lý Hồng	Hưng	22/02/2004	9	
11	120171	Phan Đỗ Thanh	Khải	26/11/2004	10	
12	120185	Lưu Quốc	Khánh	26/01/2004	10	
13	120196	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	28/05/2004	11	
14	120207	Lê Thị Hoài	Lam	02/08/2004	11	
15	120224	Lục Ý	Linh	07/11/2004	12	
16	120233	Lê Tiết Thiên	Lộc	27/05/2004	12	
17	120237	Phạm Minh	Luân	04/02/2004	12	
18	120249	Vũ Thanh Thường	Minh	22/10/2004	13	
19	120265	Nguyễn Bá Ngọc	Nga	27/11/2004	14	
20	120268	Lê Nguyễn Kiều	Ngân	06/02/2004	14	
21	120298	Nguyễn Trần Thanh Như	Ngọc	14/10/2004	15	
22	120300	Lâm Minh	Nguyệt	04/02/2004	15	
23	120317	Lại Lê	Nhi	04/09/2004	16	
24	120343	Trần Thị Quỳnh	Như	17/11/2004	17	
25	120364	Huỳnh Lê Hoàng	Phúc	19/10/2004	18	
26	120373	Lê Hồng	Phương	02/10/2004	18	
27	120375	Mai Thế	Phương	25/05/2004	18	
28	120398	Trần Thảo	Quỳên	27/09/2004	19	
29	120401	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	14/10/2004	19	
30	120434	Đào Thị Vân	Thảo	27/11/2004	21	
31	120440	Võ Lữ Quốc	Thắng	10/05/2004	21	
32	120451	Tổng Thế	Thọ	30/10/2004	21	
33	120466	Phạm Ngọc Thanh	Thuyền	06/06/2004	22	
34	120474	Trần Thị Anh	Thư	31/12/2004	22	
35	120507	Huỳnh Thị Kim	Trang	25/11/2004	24	
36	120545	Trần Hồ Thanh	Trúc	25/08/2004	25	
37	120561	Trần Trang	Tuấn	07/12/2004	26	
38	120565	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	06/01/2004	26	
39	120567	Ngô Bạch	Tuyết	26/09/2003	26	
40	120575	Đoàn Nguyễn Thu	Vân	30/11/2004	26	
41	120590	Nguyễn Khả	Vy	22/11/2004	27	
42		Trần Lâm Tường	Vy	21/10/2004		

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A13**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120016	Nguyễn Minh	Anh	09/04/2004	3	
2	120048	Nguyễn Trang Ngọc	Diễm	27/10/2004	4	
3	120066	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/09/2004	5	
4	120073	Chặc Chấn Cao Thùy	Dương	29/05/2004	6	
5	120076	Võ Thiên Trang	Đài	05/03/2004	6	
6	120091	Phạm Nguyễn Thị Hồng	Gấm	24/02/2004	6	
7	120095	Trần Lê Thanh	Hải	10/08/2004	6	
8	120099	Nguyễn Dương Nhật Anh	Hào	16/12/2004	7	
9	120108	Trần Gia	Hân	06/04/2004	7	
10	120135	Mai Thiên	Hoàng	14/06/2004	8	
11	120136	Nguyễn Thị Tú	Hồng	27/10/2004	8	
12	120139	Nguyễn Như	Huệ	27/03/2004	8	
13	120150	Lê Trần Quốc	Huy	26/11/2004	9	
14	120222	Trần Thị Thùy	Linh	24/12/2004	12	
15	120223	Phạm Ngọc Trúc	Linh	22/06/2004	12	
16	120234	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	19/01/2004	12	
17	120248	Nguyễn Thanh	Minh	31/01/2004	13	
18	120264	Nguyễn Huỳnh	Nga	19/01/2004	13	
19	120269	Lê Kim	Ngân	27/02/2004	14	
20	120284	Ngô Minh	Nghĩa	18/06/2004	14	
21	120303	Trần Thanh	Nhã	10/11/2004	15	
22	120322	Lưu Thị Quỳnh	Nhi	04/05/2004	16	
23	120342	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	18/10/2004	17	
24	120344	Phan Tổ	Như	22/02/2004	17	
25	120351	Chung Long	Phát	30/06/2004	17	
26	120369	Trần Ngọc Y	Phụng	06/08/2004	18	
27	120381	Nguyễn Trần Quốc	Quang	24/06/2004	18	
28	120390	Tiết Gia	Quý	10/05/2004	19	
29	120393	Nguyễn Thị Kim	Quyên	22/11/2003	19	
30	120406	Phạm Minh	Sang	03/03/2004	19	
31	120414	Lê Văn Anh	Tài	19/10/2004	20	
32	120443	Trương Ngọc Nhã	Thi	11/08/2004	21	
33	120456	Đoàn Thị Hương	Thơm	17/09/2004	21	
34	120482	Trần Lại Yến	Thư	31/08/2004	23	
35	120485	Nguyễn Trần Trúc	Thy	03/02/2004	23	
36	120510	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/05/2004	24	
37	120543	Lê Thị Nhã	Trúc	25/08/2004	25	
38	120558	Lê Văn Anh	Tuấn	19/10/2004	26	
39	120576	Đoàn Thị Thùy	Vân	14/11/2004	26	
40	120601	Nguyễn Thúy	Vy	28/09/2004	28	
41	120610	Nguyễn Phúc Toàn	Vỹ	04/11/2004	28	
42	120072	Bùi Phan Quý	Dương	31/12/2003	5	

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A14**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120010	Nguyễn Hồng	Anh	09/10/2004	3	
2	120021	Nguyễn Trúc	Anh	29/05/2004	3	
3	120039	Võ Ngọc Minh	Châu	19/09/2004	4	
4	120058	Ngô Hoàng Phương	Duy	11/09/2004	5	
5	120068	Huỳnh Thị Phước	Duyên	19/02/2004	5	
6	120069	Phan Ngọc Phương	Duyên	09/08/2004	5	
7	120077	Trần Ngọc Anh	Đào	15/08/2004	6	
8	120096	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	03/03/2004	6	
9	120112	Võ Thị Mỹ	Hân	15/08/2004	7	
10	120113	Đỗ Hồng Ngọc	Hân	13/04/2004	7	
11	120120	Lại Trung	Hậu	28/12/2004	7	
12	120157	Trương Minh	Hưng	30/09/2004	9	
13	120186	Đinh Trần Anh	Khoa	07/05/2004	10	
14	120189	Trần Trương Đăng	Khoa	08/02/2004	10	
15	120229	Trần Hoàng	Long	18/07/2004	12	
16	120252	Thạch Hà	My	30/12/2004	13	
17	120266	Nguyễn Ngọc	Ngà	18/12/2004	14	
18	120272	Trần Thảo Thanh	Ngân	03/12/2003	14	
19	120283	Huỳnh Thiên	Nghi	17/01/2004	14	
20	120285	Lê Phú	Nghĩa	14/06/2004	14	
21	120306	Tào Quang	Nhân	14/01/2004	15	
22	120323	Lại Thanh	Nhi	26/09/2004	16	
23	120332	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/06/2004	16	
24	120345	Trần Thị Tuyết	Như	28/01/2004	17	
25	120372	Nguyễn Thành Đạt	Phương	30/10/2004	18	
26	120394	Nguyễn Đặng Mai	Quyên	02/09/2004	19	
27	120395	Huỳnh Ngọc	Quyên	19/08/2004	19	
28	120409	Nguyễn Thị Ngọc	Soàn	05/05/2004	20	
29		Nguyễn Thị Minh	Tâm	14/08/2004		
30	120422	Lê Quốc	Thái	14/05/2004	20	
31	120444	Hồ Thị Thiên	Thiên	10/09/2004	21	
32	120447	Trần Hoàng	Thịnh	01/01/2004	21	
33	120457	Đặng Huỳnh Ngân	Thu	18/07/2004	22	
34	120464	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	13/05/2004	22	
35	120487	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	11/02/2004	23	
36	120502	Phạm Thái	Toàn	02/06/2004	23	
37	120509	Nguyễn Thùy	Trang	10/03/2004	24	
38	120525	Bùi Huyền	Trân	18/01/2004	24	
39	120557	Đoàn Thanh	Tú	07/07/2004	26	
40	120572	Nguyễn Thị Thu	Vàng	26/06/2004	26	
41	120612	Đoàn Võ Như	Ý	07/01/2004	28	
42		Nguyễn Thị Thúy	An	29/06/2004		
43		Cao Thịnh	Khang	21/03/2004		
44		Nguyễn Hoàng	Khang	21/05/2004		
45	120410	Đặng Hoàng	Sơn	18/05/2004	20	

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH, PHÒNG THI
KỲ KIỂM TRA THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022
LỚP: 12A15

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	120013	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	09/04/2004	3	
2	120018	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	15/06/2004	3	
3	120041	Hồ Nguyễn Thảo	Chi	29/07/2004	4	
4	120057	Nguyễn Nhật	Duy	21/09/2004	5	
5	120064	Nguyễn Trường	Duy	05/07/2004	5	
6	120088	Huỳnh Anh	Đông	24/09/2004	6	
7	120102	Lê Thị	Hằng	05/07/2004	7	
8	120121	Lê Mỹ	Hiền	20/01/2004	8	
9	120130	Lê Nguyễn Bá	Hoàng	31/05/2004	8	
10	120151	Võ Tấn	Huy	29/03/2004	9	
11	120184	Phan Lê Quốc	Khánh	01/09/2004	10	
12	120199	Lê Tuấn	Kiệt	07/11/2004	11	
13	120209	Nguyễn Văn Cao	Lang	02/05/2004	11	
14	120217	Châu Mỹ	Linh	05/12/2004	12	
15	120221	Nguyễn Thị Thùy	Linh	22/12/2004	12	
16	120231	Nguyễn Phi	Long	05/01/2004	12	
17	120257	Lưu Ngọc	Mỹ	14/10/2003	13	
18	120260	Nguyễn Hoài	Nam	14/06/2004	13	
19	120275	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	08/06/2004	14	
20	120280	Đào Thị Thùy	Ngân	26/08/2004	14	
21	120292	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/11/2004	15	
22	120320	Phạm Phương	Nhi	17/03/2004	16	
23	120326	Lê Nguyễn Uyển	Nhi	04/12/2004	16	
24	120335	Nguyễn Thị Kiều	Nhung	04/01/2004	16	
25	120338	Nguyễn Hoài Khánh	Như	11/09/2004	17	
26	120377	Phạm Nguyễn Thy	Phương	08/09/2004	18	
27	120378	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	08/09/2004	18	
28	120399	Nguyễn Tổ	Quyên	23/08/2003	19	
29	120412	Phạm Quang	Sơn	11/06/2004	20	
30	120426	Nguyễn Kim	Thanh	19/09/2004	20	
31	120445	Phan Hồ	Thiện	26/03/2004	21	
32	120452	Nguyễn Văn	Thoại	28/02/2004	21	
33	120458	Nguyễn Đoàn Ngọc	Thu	19/10/2004	22	
34	120463	Huỳnh Mai Thanh	Thúy	22/06/2004	22	
35	120514	Võ Ngọc Mai	Trâm	20/08/2004	24	
36	120528	Võ Thị Ngọc	Trân	22/07/2004	24	
37	120566	Mai Thị Ánh	Tuyết	07/05/2004	26	
38	120581	Nguyễn Quốc	Việt	29/04/2004	27	
39	120602	Trần Triệu	Vy	29/05/2002	28	
40	120607	Đoàn Nguyễn Tường	Vy	14/10/2004	28	
41	120616	Nguyễn Thị Kim	Yên	29/02/2004	28	
42	120124	Lê Trung	Hiếu	19/01/2004	8	